

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM XUYỀN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST
Ngày: 20-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và xử lý
tài sản thế chấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYỀN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Như Dũng

Ông Bùi Quang Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/TLST- KDTM ngày 12 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại C; Địa chỉ: 194 đường Trần Quang K, phường Lý Thái T, quận H, thành phố Hà Nội

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

- Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Đình T - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Ngân hàng Thương mại C (theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số: 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021)

- Người được ủy quyền lại:

+ Ông Trần Đại D - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Tĩnh (Có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị T - Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp 2 (Vắng mặt)

(Theo Quyết định ủy quyền số 817/QĐ-BIDV.HTI ngày 10/8/2022 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hà Tĩnh)

2. Bị đơn: Công ty TNHH vận tải và thương mại dịch vụ T

Địa chỉ: Tại nhà ông Nguyễn Văn A, thôn 5 (nay là thôn Đông H), xã Cẩm V, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH vận tải và thương mại dịch vụ T (Vắng mặt)

Trú tại: Khôi phố 8, phường Đại N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; Trú tại: Khố phố 8, phường Đại N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, vụ án có nội dung: Trong các năm 2019, 2020 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V (viết tắt: Ngân hàng BI...) đã cho Công ty TNHH vận tải và thương mại dịch vụ T (Viết tắt: Công ty Thạch L) vay theo các Hợp đồng tín dụng:

1. Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 01/2019/7245854/HĐTD ngày 09/9/2019, bao gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể sau:

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-09/2019/7245854/HĐTD ngày 24/10/2019: Số tiền vay 700.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 24/10/2019; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9,4%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 411.000.000đồng, nợ lãi quá hạn 105.299.890 đồng, lãi phạt 44.307.737 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-10/2019/7245854/HĐTD ngày 25/10/2019: Số tiền vay 225.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 25/10/2019; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9,4%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 225.000.000đồng, nợ lãi quá hạn 54.468.493 đồng, lãi phạt 23.139.506 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-11/2019/7245854/HĐTD ngày 25/11/2019: Số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 25/11/2019; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9,2%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 200.000.000đồng, nợ lãi quá hạn 48.452.054 đồng, lãi phạt 19.890.417 đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-12/2019/7245854/HĐTD ngày 26/11/2019: Số tiền vay 310.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 26/11/2019; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9,2%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 310.000.000đồng, nợ lãi quá hạn 75.100.685 đồng, lãi phạt 30.830.102đồng.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-13/2019/7245854/HĐTD ngày 02/12/2019: Số tiền vay 150.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân

02/12/2019; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9,2%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 150.000.000đồng, nợ lãi quá hạn 35.815.069 đồng, lãi phạt 14.809.936 đồng.

- *Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-14/2019/7245854/HĐTD ngày 11/12/2019*: Số tiền vay 120.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 11/12/2019; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9,2%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 120.000.000đồng, nợ lãi quá hạn 34.024.110 đồng, lãi phạt 11.761.670 đồng.

- *Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-15/2019/7245854/HĐTD ngày 19/12/2019*: Số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 19/12/2019; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9,2%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 200.000.000đồng, nợ lãi quá hạn 56.706.849 đồng, lãi phạt 19.438.362đồng.

- *Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-16/2019/7245854/HĐTD ngày 20/12/2019*: Số tiền vay 230.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 20/12/2019; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9,2%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 230.000.000đồng, nợ lãi quá hạn 65.212.877 đồng, lãi phạt 22.330.464đồng.

- *Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-17/2019/7245854/HĐTD ngày 27/12/2019*: Số tiền vay 685.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 27/12/2019; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9,2%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 10%/năm tính trên dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 685.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 194.220.959 đồng, lãi phạt 66.013.388 đồng.

- *Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-18/2020/7245854/HĐTD ngày 08/01/2020*: Số tiền vay 315.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 08/01/2020; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9,2%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 0%/năm. Nợ gốc tính đến ngày

20/12/2023 là 315.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 89.313.287 đồng, lãi phạt 29.968.149 đồng.

- *Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-19/2020/7245854/HĐTD ngày 09/01/2020*: Số tiền vay 343.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 09/01/2020; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9,2%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 0%/năm. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 343.000.000.000đồng, nợ lãi quá hạn 97.252.246 đồng, lãi phạt 32.596.777 đồng.

- *Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-20/2020/7245854/HĐTD ngày 10/01/2020*: Số tiền vay 242.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 10/01/2020; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9,2%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 0%/năm. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 242.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 68.615.287 đồng, lãi phạt 22.973.423 đồng.

- *Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-22/2020/7245854/HĐTD ngày 16/3/2020*: Số tiền vay 568.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 16/3/2020; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 0%/năm. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 390.900.000 đồng, nợ lãi quá hạn 94.629.929 đồng, lãi phạt 34.377.785 đồng.

- *Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-23/2020/7245854/HĐTD ngày 18/3/2020*: Số tiền vay 522.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 18/3/2020; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 0%/năm. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 522.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 126.366.904 đồng, lãi phạt 45.853.752 đồng.

- *Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-24/2020/7245854/HĐTD ngày 21/05/2020*: Số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 21/5/2020; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 0%/năm. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 77.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 21.343.151 đồng, lãi phạt 10.198.977 đồng.

- *Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01-25/2020/7245854/HĐTD ngày 22/05/2020*: Số tiền vay 200.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 22/5/2020; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong

hạn: 7,5%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 0%/năm. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 200.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 48.575.342 đồng, lãi phạt 23.732.883 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số 02/2019/7245854/HĐTD ngày 29/11/2019: Số tiền vay 2.210.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày giải ngân 29/11/2019; Mục đích sử dụng vốn: Phục vụ hoạt động kinh doanh; Lãi suất trong hạn: 9,2%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: 0%/năm. Nợ gốc tính đến ngày 20/12/2023 là 2.210.000.000 đồng, nợ lãi quá hạn 626.610.685 đồng, lãi phạt 219.334.954 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty Thạch L nợ Ngân hàng BI... tính đến ngày 20/12/2023 là đồng 9.344.466.099 đồng, trong đó: Nợ gốc là 6.830.900.000 đồng, nợ lãi là 1.842.007.817 đồng, lãi phạt quá hạn là 671.558.282 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay theo các hợp đồng nói trên thì Công ty Thạch L đã ký kết với Ngân hàng BI... các Hợp đồng thế chấp: số 05/2015/7245854/HĐBĐ ngày 10/07/2015; số 03/2015/7245854/HĐBĐ ngày 10/07/2015; số 06/2015/7245854/HĐBĐ ngày 10/07/2015; số 07/2015/7245854/HĐBĐ ngày 21/07/2015; số 08/2015/7245854/HĐBĐ ngày 24/07/2015; số 01/2015/7245854/HĐBĐ ngày 10/07/2015.

Nay Ngân hàng BI... yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty Thạch L phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng BI... tính đến ngày 20/12/2023 là đồng 9.344.466.099 đồng, trong đó: Nợ gốc là 6.830.900.000 đồng, nợ lãi là 1.842.007.817 đồng, lãi phạt quá hạn là 671.558.282 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/12/2023 đến ngày bị đơn thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng đã ký kết.

- Trường hợp Công ty Thạch L không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền phát mãi hoặc đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản bảo đảm của Công ty Thạch L và bên thứ ba, cụ thể:

- + Thửa đất số 558, tờ bản đồ số 01, diện tích 303,0 m²; địa chỉ: Khối phố 5 (nay là tổ dân phố 8), phường Đại N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, được UBND thành phố Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 924... ngày 11/7/2014 mang tên ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị T và tài sản gắn liền với đất.

- + 01 (Một) chiếc xe con Santafe - Huyndai, biển kiểm soát 38A-055..., số khung 81CBDU152909, số máy G4KEDU050075 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006546, do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 09/7/2015.

- + 01 (Một) chiếc xe ô tô tải có mui, hiệu HUYNDAI, biển kiểm soát 38C-046..., số khung 18SPEC078522, số máy D6CAE258573, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006547, do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 09/7/2015.

+ 01 (Một) chiếc xe ô tô tải có mui, hiệu THACO, biển kiểm soát 38C-048...., số khung 112WDEC026452, số máy 01514D002473, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006550, do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 09/7/2015.

+ 01 (Một) chiếc xe ô tô tải thùng kín, hiệu HUYNDAI MIGHTY, biển kiểm soát 38C-063...., số khung 17BPFD002961, số máy D4DBFJ599373, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006620, do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 14/7/2015.

+ 01 (Một) chiếc xe ô tô tải Pickup cabin kép, hiệu FORD Ranger, biển kiểm soát 38C-072..., số khung FF80FW446161, số máy P4AT2046292 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006704, do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 23/7/2015.

Quá trình giải quyết vụ án, tại các buổi làm việc; phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, người đại diện theo pháp luật của bị đơn và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trực tiếp làm việc và trình bày: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình L đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác do Tòa án tổng đạt nhưng vì lý do công việc nên bà và ông Nguyễn Đình L không có mặt để làm việc. Công ty TNHH vận tải và thương mại dịch vụ T đã ký kết các Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng BI... để vay vốn phục vụ hoạt động kinh doanh với tổng số tiền 7.420.000.000đồng, việc ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, các điều khoản thể hiện ý chí của các bên. Để đảm bảo cho khoản vay nói trên thì Công ty Thạch L với Ngân hàng BI... đã ký kết các Hợp đồng thế chấp tài sản số: 05/2015/7245854/HĐBĐ ngày 10/07/2015; 03/2015/7245854/HĐBĐ ngày 10/07/2015; 06/2015/7245854/HĐBĐ ngày 10/07/2015; 07/2015/7245854/HĐBĐ ngày 21/07/2015; 08/2015/7245854/HĐBĐ ngày 24/07/2015; 01/2015/7245854/HĐBĐ ngày 10/07/2015, tài sản thế chấp là 05 chiếc xe ô tô thuộc sở hữu của Công ty Thạch L và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được cấp giấy CNQSDĐ mang tên bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình L. Việc ký kết các hợp đồng thế chấp là tự nguyện, tự do tìm hiểu, thể hiện ý chí của các bên, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người ký kết.

Sau khi vay vốn, do dịch bệnh nên việc kinh doanh thua lỗ dẫn đến Công ty không trả được nợ cho Ngân hàng đúng cam kết. Nay Công ty Thạch L chấp nhận số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết như Ngân hàng BI... yêu cầu. Công ty Thạch L cam đoan sẽ thanh toán toàn bộ tiền gốc cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi, kéo dài thời gian để công ty có điều kiện trả. Nếu công ty không trả số tiền nợ gốc nói trên thì Ngân hàng BI... được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các hợp đồng đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập; Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 05 chiếc xe ô tô của Công ty

Thạch L nhưng không được, vì người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đưa xe đến Công ty để Tòa án xem xét, thẩm định; đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số: 558, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ thửa đất: Khối phố 5 (nay là tổ dân phố 8), phường Đại N, TX H (nay là TP H), tỉnh Hà Tĩnh mang tên bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình L theo kết quả xác minh, thẩm định thì giữ nguyên hiện trạng về diện tích, tài sản gắn liền với đất, không có tranh chấp về ranh giới, tứ cận. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Thạch L và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T cho biết, tài sản thế chấp là 05 chiếc xe ô tô hiện đang phục vụ hoạt động kinh doanh, xe vẫn hoạt động bình thường, tình trạng, đặc điểm kỹ thuật không thay đổi so với thời điểm thế chấp; quyền sử dụng đất mang tên bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Đình L giữ nguyên hiện trạng như tại thời điểm thế chấp, không có tranh chấp với ai. Nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiếp tục xem xét thẩm định lần hai. Tại các phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 23/6/2023 của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Hà Tĩnh phản ánh các phương tiện thế chấp nêu trên, trạng thái xe: Đang lưu hành; không có thay đổi về chủ đăng ký.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Trong trường hợp Công ty Thạch L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Ngân hàng BI... không yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản của Công ty Thạch L và bên thứ ba.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người đại diện của nguyên đơn có mặt; người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, vì vậy việc xét xử vắng mặt của những người này là đảm bảo theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, thu thập tài liệu, chứng cứ đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 30, 35, 39, 147, 271, 273 và Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 292, 299, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 342, 343, 357, 385, 386, 398, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 16 Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4, 10 và Điều 56 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản của Công ty Thạch L và bên thứ ba.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng BI...:

- Buộc Công ty Thạch L phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng BI... tính đến ngày 20/12/2023 là đồng 9.344.466.099 đồng, trong đó: Nợ gốc là 6.830.900.000 đồng, nợ lãi là 1.842.007.817 đồng, lãi phạt quá hạn là 671.558.282 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/12/2023 đến ngày bị đơn thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng đã ký kết.

- Trường hợp Công ty Thạch L không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm của Công ty Thạch L và bên thứ ba, cụ thể:

+ Thửa đất số 558, tờ bản đồ số 01, diện tích 303,0 m²; địa chỉ: Khối phố 5 (nay là tổ dân phố 8), phường Đại N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, được UBND thành phố Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 924... ngày 11/7/2014 mang tên ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị T và tài sản gắn liền với đất.

+ 01 (Một) chiếc xe con Santafe - Hyundai, biển kiểm soát 38A-055.50, số khung 81CBDU152909, số máy G4KEDU050075 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006546, do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 09/7/2015.

+ 01 (Một) chiếc xe ô tô tải có mui, hiệu HUYNDAI, biển kiểm soát 38C-046.81, số khung 18SPEC078522, số máy D6CAE258573, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006547, do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 09/7/2015.

+ 01 (Một) chiếc xe ô tô tải có mui, hiệu THACO, biển kiểm soát 38C-048...., số khung 112WDEC026452, số máy 01514D002473, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006550, do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 09/7/2015.

+ 01 (Một) chiếc xe ô tô tải thùng kín, hiệu HUYNDAI MIGHTY, biển kiểm soát 38C-063..., số khung 17BPFD002961, số máy D4DBFJ599373, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006620, do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 14/7/2015.

+ 01 (Một) chiếc xe ô tô tải Pickup cabin kép, hiệu FORD Ranger, biển kiểm soát 38C-072..., số khung FF80FW446161, số máy P4AT2046292 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006704, do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 23/7/2015.

Về án phí: Buộc Công ty Thạch L phải chịu 117.344.466 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Trả lại cho Ngân hàng BI... 58.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Ngân hàng BI... khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Thạch L thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên, trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu Tòa án tuyên phát mãi xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Bị đơn Công ty Thạch L có địa chỉ: tại nhà ông Nguyễn Văn A, thôn 5 (nay là thôn Đông H), xã Cẩm V, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Mục đích vay của Công ty Thạch L theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết: “Phục vụ hoạt động kinh doanh”. Vì vậy, đây là quan hệ tranh chấp Kinh doanh thương mại quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi đưa vụ án ra xét xử, người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng BI... buộc Công ty Thạch L phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 20/12/2023 là đồng 9.344.466.099 đồng, trong đó: Nợ gốc là 6.830.900.000 đồng, nợ lãi là 1.842.007.817 đồng, lãi phạt quá hạn là 671.558.282 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-09/2019/7245854/HĐTD ngày 24/10/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-10/2019/7245854/HĐTD ngày 25/10/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-11/2019/7245854/HĐTD ngày 25/11/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-12/2019/7245854/HĐTD ngày 26/11/2019; Hợp đồng tín dụng số: 02/2019/7245854/HĐTD ngày 29/11/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-13/2019/7245854/HĐTD ngày 02/12/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-14/2019/7245854/HĐTD ngày 11/12/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-15/2019/7245854/HĐTD ngày 19/12/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-16/2019/7245854/HĐTD ngày 20/12/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-17/2019/7245854/HĐTD ngày 27/12/2019; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-18/2020/7245854/HĐTD ngày 08/01/2020; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-19/2020/7245854/HĐTD ngày 09/01/2020; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-20/2020/7245854/HĐTD ngày 10/01/2020; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-22/2020/7245854/HĐTD ngày 16/3/2020; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-23/2020/7245854/HĐTD ngày 18/3/2020; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-24/2020/7245854/HĐTD ngày 21/05/2020; Hợp đồng tín dụng cụ thể số: 01-25/2020/7245854/HĐTD ngày 22/05/2020 giữa Ngân hàng BI... và Công ty Thạch L được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, thỏa thuận của các bên về số tiền vay, thời hạn, mục đích, lãi suất vay, lãi suất quá hạn, phương thức trả nợ phù hợp với các quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 117 Bộ luật dân sự thì các hợp đồng tín dụng nêu trên có hiệu lực pháp luật.

Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn thừa nhận các hợp đồng đã ký kết, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Sau khi vay vốn, việc hoạt động của Công ty Thạch L gặp nhiều khó khăn nên không có điều kiện trả nợ đúng theo hợp đồng đã ký kết.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Thạch L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng BI.... Ngân hàng BI... đã nhiều lần mời các bên có liên quan đến làm việc để bàn cách tháo gỡ, phương án trả nợ. Tuy nhiên, bên vay cũng như bên thế chấp tài sản vẫn không hề có động thái gì để trả nợ. Do đó, việc Ngân

hàng BI... khởi kiện yêu cầu Công ty Thạch L trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn đề nghị Ngân hàng BI... xem xét miễn toàn bộ tiền lãi và xin được trả toàn bộ tiền gốc. Tuy nhiên, Ngân hàng BI... không chấp nhận đề nghị này, vì vậy không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Thạch L phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (21/12/2023) đến ngày Công ty Thạch L trả hết nợ: Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng và các tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy sự thỏa thuận về tiền lãi của các bên là tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn Công ty Thạch L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp tài sản số: 05/2015/7245854/HĐBĐ ngày 10/07/2015; 03/2015/7245854/HĐBĐ ngày 10/07/2015; 06/2015/7245854/HĐBĐ ngày 10/07/2015; 07/2015/7245854/HĐBĐ ngày 21/07/2015; 08/2015/7245854/HĐBĐ ngày 24/07/2015; 01/2015/7245854/HĐBĐ ngày 10/07/2015 giữa Ngân hàng BI... với Công ty Thạch L được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, không bị lừa dối; tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bên thế chấp; nội dung, hình thức hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật; trình tự, thủ tục thế chấp đúng quy định tại các Điều 298, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ và Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực. Vì vậy, nếu Công ty Thạch L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng BI... được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Trong trường hợp Công ty Thạch L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng BI... yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản của Công ty Thạch L và bên thứ ba: Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện này, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện. Căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] *Về án phí*: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 30, 35, 39, 147, 271, 273 và Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 292, 299, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 342, 343, 357, 385, 386, 398, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 16 Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4, Điều 10 và Điều 56 Nghị định số: 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ và Nghị định số: 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều b Khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V được quyền phát mãi tài sản của Công ty TNHH vận tải và thương mại dịch vụ T và bên thứ ba.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V.

- Buộc Công ty TNHH vận tải và thương mại dịch vụ T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V số tiền nợ tính đến ngày 20/12/2023 là đồng 9.344.466.099 đồng (*Chín tỷ ba trăm bốn bốn triệu bốn trăm sáu sáu nghìn không trăm chín chín đồng*), trong đó: Nợ gốc là 6.830.900.000 đồng (*Sáu tỷ tám trăm ba mươi triệu chín trăm nghìn đồng*), nợ lãi là 1.842.007.817 đồng (*Một tỷ tám trăm bốn hai triệu không trăm linh bảy nghìn tám trăm mười bảy đồng*), lãi phạt quá hạn là 671.558.282 đồng (*Sáu trăm bảy một triệu năm trăm năm tám nghìn hai trăm tám hai đồng*) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/12/2023 đến ngày Công ty TNHH vận tải và thương mại dịch vụ T thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng đã ký kết giữa các bên.

- Trường hợp Công ty TNHH vận tải và thương mại dịch vụ T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể như sau:

+ Thửa đất số 558, tờ bản đồ số 01, diện tích 303,0 m²; địa chỉ: Khối phố 5 (nay là tổ dân phố 8), phường Đại N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, được UBND thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 924... ngày 11/7/2014 mang tên ông Nguyễn Đình L, bà Nguyễn Thị T và tài sản gắn liền với đất.

+ 01 (Một) chiếc xe con Santafe - Hyundai, biển kiểm soát 38A-055..., số khung 81CBDU152909, số máy G4KEDU050075 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006546 do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 09/7/2015.

+ 01 (Một) chiếc xe ô tô tải có mui, hiệu HUYNDAI, biển kiểm soát 38C-046..., số khung 18SPEC078522, số máy D6CAE258573, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006547 do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 09/7/2015.

+ 01 (Một) chiếc xe ô tô tải có mui, hiệu THACO, biển kiểm soát 38C-048..., số khung 112WDEC026452, số máy 01514D002473, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006550 do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 09/7/2015.

+ 01 (Một) chiếc xe ô tô tải thùng kín, hiệu HUYNDAI MIGHTY, biển kiểm soát 38C-063..., số khung 17BPFD002961, số máy D4DBFJ599373, theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006620 do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 14/7/2015.

+ 01 (Một) chiếc xe ô tô tải Pickup cabin kép, hiệu FORD Ranger, biển kiểm soát 38C-072..., số khung FF80FW446161, số máy P4AT2046292 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006704 do Công an tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 23/7/2015.

2. Về án phí: Buộc Công ty TNHH vận tải và thương mại dịch vụ T phải chịu 117.344.466 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển V số tiền 58.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai số 0009062 ngày 09/6/2023.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Hoàng

